

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2025/HNGĐ-ST

Ngày 06/6/2025

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thoan và bà Nguyễn Thị Hòe

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Chế Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị N, sinh ngày 02/9/1973; căn cước công dân số: 044173001855 cấp ngày 05/12/2022 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Địa chỉ tại nước ngoài: S - 03044 cottbus, CHLB Đ. Hiện nay về Việt Nam và tạm trú tại: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Võ Hữu C; sinh ngày 02/07/1972; căn cước công dân số: 044072002362 cấp ngày 14/8/2023 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Hiện trú tại: D - 03052 cottbus, CHLB Đ. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Trương Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị N và anh Võ Hữu C tìm hiểu và đã đi đến hôn nhân. Cả hai đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 25/02/1994 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị N và anh C về sống chung tại Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Đến năm 2004, chị N và anh C qua CHLB Đức định cư. Thời gian đầu hai vợ chồng sống với nhau rất hòa thuận và hạnh phúc. Đến năm 2022, chị N phát hiện anh C có mối quan hệ bên ngoài. Mặc dù được gia đình hai bên động viên, can ngăn

nhưng anh C vẫn không thay đổi, tiếp tục duy trì mối quan hệ ngoài luồng và không quan tâm đến vợ con. Cuộc sống hai vợ chồng thường xuyên xảy cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần. Nay, chị N cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể kéo dài cuộc hôn nhân này nữa nên chị N viết đơn này kính mong Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Hữu C.

Về con chung: Chị Trương Thị N và anh Võ Hữu C chung sống với nhau có 02 con chung: Cháu Võ Thị Thanh H, sinh năm 1994 và Cháu Võ Thị Thanh H1, sinh năm 1997. Hiện cháu H và H1 đã lớn, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trương Thị N và anh Võ Hữu C đã tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Võ Hữu C: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình có công văn đề nghị Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Võ Hữu C. Tại Công văn số 560/CV-QLXNC ngày 06/03/2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q cung cấp thông tin anh Võ Hữu C, sinh ngày 02/07/1972 đã xuất cảnh rời Việt Nam ngày 04/11/2024. Theo chị N cung cấp hiện anh Võ Hữu C đang cư trú tại: D - 03052 cottbus, CHLB Đ.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã có văn bản gửi đến Đ tại CHLB Đ để tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng đối với bị đơn anh Võ Hữu C. Ngày 20/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã nhận được bản tự khai có nội dung về ba mối quan hệ giống như trình bày của nguyên đơn, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, đơn đề nghị giải quyết sớm, giấy ủy quyền có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức do bị đơn anh Võ Hữu C gửi về Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến:* Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị N, xử cho chị Trương Thị N được ly hôn anh Võ Hữu C. Về con chung đã trưởng thành không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận nên đề nghị Toà án không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án; nghe ý kiến của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo thông tin cung cấp của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q thì anh Võ Hữu C – bị đơn đã xuất cảnh ngày 04/11/2025 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28,

khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài theo quy định tại Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; thực hiện giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho người thân (bố đẻ) của anh C để người thân thông báo cho anh C biết nội dung liên quan đến việc chị N xin ly hôn anh C theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 20/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã nhận được bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, đơn đề nghị giải quyết sớm, giấy ủy quyền có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức do bị đơn anh Võ Hữu C gửi về.

Tại phiên tòa, chị N và anh C đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị N và anh Võ Hữu C đã đăng ký kết hôn tại xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 25/02/1994 trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2022, cuộc sống hai vợ chồng thường xuyên xảy cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần. Mặc dù sau nhiều lần hai vợ chồng đã cố hàn gắn, gia đình hai bên động viên nhưng không có kết quả. Trong bản tự khai chị N và anh C đều đề nghị Tòa án xử cho chị và anh được ly hôn với nhau. Hội đồng xét xử thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh C không còn, hiện tại cuộc sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N xử cho chị Trương Thị N được ly hôn anh Võ Hữu C là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị Trương Thị N và anh Võ Hữu C có 02 con chung là cháu Võ Thị Thanh H, sinh năm 1994 và cháu Võ Thị Thanh H1, sinh năm 1997. Hiện các cháu đã thành niên và các bên cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung: Chị Trương Thị N và anh Võ Hữu C đã tự thỏa thuận, nên không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài chị N phải chịu theo quy định: Chị Trương Thị N đã nộp đủ số tiền 1.310.000 đồng.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 277, Điều 228, 147, 153, 464, 469, 474, khoản 5 Điều 477, Điều 479 BLDS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị N được ly hôn anh Võ Hữu C.

2. Về quan hệ con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Chị Trương Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai số 0005223 ngày 06/01/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

5. Về lệ phí ủy thác tư pháp Chị Trương Thị N phải chịu 1.310.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài (Chị Trương Thị N đã nộp đủ tại Tòa án).

Án sơ thẩm xét xử công khai, chị Trương Thị N và anh Võ Hữu C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- UBND xã Thanh Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn, Lưu DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Thị Thanh Nhân